

TOÁN

Tiết 46: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 7

I. MỤC TIÊU :

1.Kiến thức: Tiếp tục hình thành khái niệm ban đầu về phép cộng.

2.Kĩ năng : Thành lập và ghi nhớ bảng cộng trong phạm vi 7.

Biết làm phép cộng (nhẩm, viết) trong phạm vi 7.

3.Thái độ :GD lòng yêu môn học

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC :

-GV: BDD Toán.

-HS:Que tính

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

TG	Nội dung	Hoạt động dạy	Hoạt động học
4'	I. KTBC:	- Phân tích: 7 gồm mấy và mấy? - 7 lớn hơn những số nào? - Số nào đứng liền sau số 6? - Nhận xét.	- 1 - 2 HS. - 1 HS. - 1 HS.
1'	II. Bài mới: 1. Giới thiệu bài	- Giới thiệu Bài: Phép cộng trong phạm vi 7.	- Nhắc lại.
	2. Tìm hiểu bài:	* Thực hành lấy que tính: Lấy ra 7 que tính, tách 7 que tính thành 2 nhóm.	
8'	a. Hướng dẫn học sinh thành lập bảng cộng trong phạm vi 7:	- Hỏi: 7 gồm mấy và mấy? (GV đính que tính lên bảng). * Cho HS quan sát số que tính ở hàng thứ nhất và hỏi: Bên trái có mấy que tính? Bên phải có mấy que tính? Có tất cả mấy que tính? - Tương tự bảng cộng trong phạm vi 6, hãy nêu phép cộng phù hợp với số que tính ở hàng 1? - Ghi bảng: $6 + 1 = 7$ $1 + 6 = 7$ - Cho HS đọc lại 2 phép cộng vừa lập.	- Thực hành. - 2 - 3 HS nhắc lại: 7 gồm: 6 và 1; 5 và 2; 4 và 3. - HS trả lời. - HS lập: $6 + 1 = 7$ $1 + 6 = 7$ - Quan sát. - Cá nhân, đồng thanh

3'	b. Hướng dẫn HS ghi nhớ bảng cộng:	<p>* Quan sát số que tính ở hàng thứ 2, con hãy lấy bảng cài lập các phép cộng phù hợp với số que tính đó.</p> <p>- Ghi bảng: $5 + 2 = 7$ $2 + 5 = 7$</p> <p>- Gọi HS đọc lại.</p> <p>* Tương tự, y/c HS lấy bảng cài lập các phép cộng phù hợp với số que tính ở hàng thứ 3.</p> <p>- Ghi bảng: $4 + 3 = 7$ $3 + 4 = 7$</p> <p>- Gọi HS đọc lại.</p> <p>- Gọi HS đọc cả bảng cộng xuôi, ngược.</p> <p>- Xoá dần bảng cộng, cho HS đọc.</p> <p>* Cho HS so sánh: $6 + 1 = 7$ và $1 + 6 = 7$ => Nhận xét: Khi đổi chỗ các số trong phép cộng thì kết quả không thay đổi.</p>	<p>- HS lập: $5 + 2 = 7$ $2 + 5 = 7$</p> <p>- Cá nhân, đồng thanh.</p> <p>- HS lập: $4 + 3 = 7$ $3 + 4 = 7$</p> <p>- Cá nhân, đồng thanh.</p> <p>- Cá nhân, tổ, lớp.</p> <p>- Đồng thanh, cá nhân.</p>
15'	<p>Nghi 5'</p> <p>3. Thực hành:</p> <p>a. Bài 1: Tính</p> <p>b. Bài 2: Tính</p> <p>c. Bài 3: Tính</p> <p>d. Bài 4: Viết</p>	<p>Cho HS làm bài tập SGK tr68.</p> <p>- Cho HS tự làm bài</p> <p>Chốt: Chú ý cách tính viết.</p> <p>Các số phải đặt thẳng cột.</p> <p>- Gọi 1 HS nêu YC.</p> <p>- Cho HS tự làm.</p> <p>- Chữa bài.</p> <p>Chốt: Đổi chỗ các số trong phép cộng KQ không thay đổi.</p> <p>- Gọi HS nêu YC.</p> <p>- Cho HS tự làm.</p> <p>Chốt: Khi tính con nhầm như thế nào?</p> <p>- YC HS nêu đầu bài dưới dạng lời văn.</p> <p>- Khuyến khích HS đặt đề toán</p>	<p>- Hát.</p> <p>- 1 HS nêu: Bài 1: Tính.</p> <p>- HS làm vào vở ô li.</p> <p>- 2 HS lên bảng chữa bài.</p> <p>- Nhận xét bạn.</p> <p>- 1 HS nêu: Bài 2: Tính.</p> <p>- HS làm bài vào sách.</p> <p>- 4 HS đọc bài làm.</p> <p>- Lớp đối chiếu Đ - S.</p> <p>- 1 HS nêu: Bài 3: Tính.</p> <p>- HS làm bài vào sách.</p> <p>- 3 HS chữa bài.</p>

4'	ptth II. Cũng cố - dặn dò:	hay và đúng. - Cho HS tự làm. - Tổ chức chữa bài. - YC HS đọc các phép cộng có kết quả là 7. - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau.	- 2 HS nêu. - HS làm vào sách. - 2 HS lên bảng. - Nhận xét bạn. - 2 - 3 HS đọc.
----	--	---	---

Rút kinh nghiệm - bổ sung:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TOÁN

Tiết 47: PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 7

I. MỤC TIÊU :

- 1.Kiến thức :** Tiếp tục hình thành khái niệm về phép trừ.
- 2.Kĩ năng :** Thành lập và ghi nhớ bảng trừ trong phạm vi 7.
Biết tính cộng, trừ (nhẩm, viết) trong phạm vi 7.
- 3.Thái độ :**GD lòng yêu môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC :

-GV: BDD Toán. Que tính .

-HS:SGK,BDD

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

TG	Nội dung	Hoạt động dạy	Hoạt động học
4'	I. KTBC:	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc bảng cộng trong phạm vi 7? - Số? $6 + \dots = 6$ $4 + 0 + 3 = \dots$ $\dots + 6 = 7$ $2 + 1 + 4 = \dots$ - Nhận xét chung. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 - 2 HS. - 1 HS.
1'	II. Bài mới: 1. Giới thiệu bài	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu Bài: Phép trừ trong phạm vi 7. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại.
8'	2. Tìm hiểu bài: a. Hướng dẫn học sinh thành lập bảng trừ trong phạm vi 7:	<ul style="list-style-type: none"> * $7 - 1 = 6$ - Bước 1: + Cho HS lấy ra 7 hình tam giác. Bớt 1 hình tam giác. YC HS nêu bài toán. + Cho HS nhắc lại đầu bài. - Bước 2: 7 bớt 1 còn mấy? - Bước 3: Ta viết 7 bớt 1 còn 6 như sau: + Viết: $7 - 1 = 6$. + Đọc: Bảy trừ một bằng sáu. * $7 - 6 = 1$ - Vẫn là 7 hình tam giác, nếu không bớt 1 mà bớt 6. YC HS nêu bài toán. - Cho HS nêu phép tính tương ứng với bài toán. - Ghi bảng: $7 - 6 = 1$. - Đọc: Bảy trừ sáu bằng một. * $7 - 2 = 5$ và $7 - 5 = 2$ * $7 - 4 = 3$ và $7 - 3 = 4$ Tương tự - Xóa lần lượt các số trong bảng trừ. - Gọi HS xung phong đọc 	<ul style="list-style-type: none"> HS thực hành. - 1 HS nêu bài toán: Có 7 hình tam giác, bớt 1 tam giác. Hỏi còn bao nhiêu hình tam giác? - Nhận xét. - 1 HS. - 7 bớt 1 còn lại 6. - Cá nhân, đồng thanh. - 1 HS nêu bài toán: Có 7 hình tam giác, bớt 6 tam giác. Hỏi còn bao nhiêu hình tam giác? - 1 HS nêu: $7 - 6 = 1$. - Cá nhân, đồng thanh. - Đồng thanh, cá nhân.

3'	b. Hướng dẫn HS ghi nhớ bảng trừ:	thuộc bảng trừ. Cho HS làm bài tập SGK tr69. - Gọi HS nêu YC. - Cho HS tự làm bài	- 1 - 2 HS. - Hát. HS mở SGK trang 69.
15'	Nghỉ 5' 3. Thực hành: a. Bài 1: Tính b. Bài 2: Tính c. Bài 3: Tính d. Bài 4: Viết ptth	Chốt: Chú ý cách tính viết. Các số phải đặt thẳng cột. - Gọi 1 HS nêu YC. - Cho HS tự làm. - Chữa bài. Chốt: Đổi chỗ các số trong phép cộng KQ không thay đổi. - Gọi HS nêu YC. - Cho HS tự làm. Chốt: Khi tính con nhầm như thế nào? - YC HS nêu đầu bài dưới dạng lời văn. - Khuyến khích HS đặt đề toán hay và đúng. - Cho HS tự làm. - Tổ chức chữa bài.	- 1 HS nêu: Bài 1: Tính. - HS làm vào vở ô li. - 2 HS lên bảng chữa bài. - Nhận xét bạn. - 1 HS nêu: Bài 2: Tính. - HS làm bài vào sách. - 4 HS đọc bài làm. - Lốp đối chiếu Đ - S. - 1 HS nêu: Bài 3: Tính. - HS làm bài vào sách. - 3 HS chữa bài. - 2 HS nêu. - HS làm vào sách. - 2 HS lên bảng. - Nhận xét bạn. Đ/A: a) $7 - 2 = 5$; $7 - 5 = 2$. b) $7 - 3 = 4$; $7 - 4 = 3$. - 2 - 3 HS đọc.
4'	II. Củng cố - dặn dò:	- Đọc lại bảng trừ trong phạm vi 7. - Bài sau: Luyện tập.	2 HS.

Rút kinh nghiệm - bổ sung:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

hoc360.net

TOÁN
TIẾT 48 : LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU :

1. **Kiến thức** : Phép cộng, phép trừ các số trong phạm vi 7.
2. **Kĩ năng** : Biết làm phép cộng, trừ (nhẩm, viết) trong phạm vi 7.
3. **Thái độ** : GD lòng yêu môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC :

- GV: Bảng nhóm.
- HS: BDD, SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

TG	Nội dung	Hoạt động dạy	Hoạt động học
5'	I. KTBC:	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc thuộc bảng cộng, trừ trong phạm vi 7? - Số? $7 - 5 = \dots$ $7 - \dots = 3$ $7 - 4 = \dots$ $\dots - 2 = 5$ $7 - 1 = \dots$ $7 - \dots = 1$ - Nhận xét chung. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS. - 2 HS.
1'	II. Bài mới:		
1'	1. Giới thiệu bài	- Giới thiệu Bài: Luyện tập.	- Nhắc lại.
25'	2. Luyện tập:	- Hướng dẫn HS làm bài tập trong SGK tr 70.	- HS mở SGK trang 70.
	a. Bài 1: Tính	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS nêu YC. - Cho HS tự làm vào vở. - Chữa bài. Chốt: Chú ý cách đặt tính dọc: Các số phải đặt thẳng cột. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS nêu: Bài 1: Tính. - HS làm vở. - 2 HS lên bảng. - Lớp đổi vở chữa bài.
	b. Bài 2: Tính	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS nêu YC. - Cho HS tự làm. - Tổ chức chữa bài. Chốt: - Khi biết kết quả của phép cộng $6 + 1 = 7$ có thể nói ngay được kết quả của phép cộng $1 + 6 = 7$. - Khi biết kết quả của phép trừ $7 - 1 = 6$ thì cũng biết kết quả 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS nêu: Bài 2: Tính. - HS làm vào sách. - 3 HS đọc kết quả. - Lớp đổi chiếu Đ - S.

TOÁN

Tiết 49: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 8

I. MỤC TIÊU

1.Kiến thức : Tiếp tục hình thành khái niệm ban đầu về phép cộng.

2.Kĩ năng : Thành lập và ghi nhớ bảng cộng trong phạm vi 8.

Biết làm phép cộng (nhẩm, viết) trong phạm vi 8.

3.Thái độ :GD hs lòng yêu môn học

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC :

- GV:BDD Toán.

-HS:Que tính .

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC :

TG	Nội dung	Hoạt động dạy	Hoạt động học
4'	I. KTBC:	-Tính: $3 + 4 - 2 =$ $5 + 2 - 4 =$ $7 - 4 + 3 =$ $7 - 5 + 4 =$ - Nêu cấu tạo số 8. - Nhận xét chung	- 2 HS. - 1 HS.
1'	II. Bài mới: 1. Giới thiệu bài	- Giới thiệu Bài: Phép cộng trong phạm vi 8.	- Nhắc lại.
	2. Tìm hiểu bài:	* Thực hành lấy que tính: Lấy ra 8 que tính, tách 8 que tính thành 2 nhóm.	- Thực hành.
8'	a. Hướng dẫn học sinh thành lập bảng cộng trong phạm vi 8:	- Hỏi: 8 gồm mấy và mấy? (GV đính que tính lên bảng). * Cho HS quan sát số que tính ở hàng thứ nhất và hỏi: Bên trái có mấy que tính? Bên phải có mấy que tính? Có tất cả mấy que tính? - Tương tự bảng cộng trong phạm vi 7, hãy nêu phép cộng	- 2 - 3 HS nhắc lại: 8 gồm: 7 và 1; 6 và 2; 5 và 3; 4 và 4. - HS trả lời. - HS lập: $7 + 1 = 8$ $1 + 7 = 8$

<p>3'</p>	<p>b. Hướng dẫn HS ghi nhớ bảng cộng:</p>	<p>phù hợp với số que tính ở hàng 1? - Ghi bảng: $7 + 1 = 8$ $1 + 7 = 8$ - Cho HS đọc lại 2 phép cộng vừa lập. * Quan sát số que tính ở hàng thứ 2, con hãy lấy bảng cài lập các phép cộng phù hợp với số que tính đó. - Ghi bảng: $6 + 2 = 8$ $2 + 6 = 8$ - Gọi HS đọc lại. * Tương tự, y/c HS lấy bảng cài lập các phép cộng phù hợp với số que tính ở hàng thứ 3, thứ 4. - Gọi HS đọc lại. - Gọi HS đọc cả bảng cộng xuôi, ngược. - Xoá dần bảng cộng, cho HS đọc. * Cho HS so sánh: $5 + 3 = 8$ và $3 + 5 = 8$ \Rightarrow Nhận xét: Khi đổi chỗ các số trong phép cộng thì kết quả không thay đổi. Cho HS làm bài tập SGK tr68. - Cho HS tự làm bài Chốt: Chú ý cách tính viết. Các số phải đặt thẳng cột. - Gọi 1 HS nêu YC. - Cho HS tự làm. - Chữa bài. Chốt: Đổi chỗ các số trong phép cộng KQ không thay đổi. - Gọi HS nêu YC. - Cho HS tự làm.</p>	<p>- Quan sát. - Cá nhân, đồng thanh - HS lập: $6 + 2 = 8$ $2 + 6 = 8$ - Cá nhân, đồng thanh. - HS lập: $5 + 3 = 8$ $3 + 5 = 8$ $4 + 4 = 8$ - Cá nhân, đồng thanh. - Cá nhân, tổ, lớp. - Đồng thanh, cá nhân.</p>
<p>15'</p>	<p>Nghi 5' 3. Thực hành: a. Bài 1: Tính b. Bài 2: Tính c. Bài 3: Tính</p>	<p>\Rightarrow Nhận xét: Khi đổi chỗ các số trong phép cộng thì kết quả không thay đổi. Cho HS làm bài tập SGK tr68. - Cho HS tự làm bài Chốt: Chú ý cách tính viết. Các số phải đặt thẳng cột. - Gọi 1 HS nêu YC. - Cho HS tự làm. - Chữa bài. Chốt: Đổi chỗ các số trong phép cộng KQ không thay đổi. - Gọi HS nêu YC. - Cho HS tự làm.</p>	<p>- Hát. - 1 HS nêu: Bài 1: Tính. - HS làm vào vở ô li. - 2 HS lên bảng chữa bài. - Nhận xét bạn. - 1 HS nêu: Bài 2: Tính. - HS làm bài vào sách. - 4 HS đọc bài làm. - Lớp đối chiếu Đ - S. - 1 HS nêu: Bài 3: Tính. - HS làm bài vào sách. - 3 HS chữa bài.</p>

4'	d. Bài 4: Viết ptt II. Củng cố - dặn dò:	Chốt: Khi tính con nhầm như thế nào? - YC HS nêu đầu bài dưới dạng lời văn. - Khuyến khích HS đặt đề toán hay và đúng. - Cho HS tự làm. - Tổ chức chữa bài. - YC HS đọc các phép cộng có kết quả là 8. - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau.	- 2 HS nêu. - HS làm vào sách. - 4 HS lên bảng. - Nhận xét bạn. Đ/A: $8 - 4 = 4$ $5 - 2 = 3/5 - 3 = 2$ $8 - 3 = 5/8 - 5 = 3$ $8 - 6 = 2/8 - 2 = 6$ - 2 - 3 HS đọc.
----	--	--	---

Rút kinh nghiệm - bổ sung:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....